TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/ 03/2023
V/v " Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông: ***Lý Đức Hiệp***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông : ***Phan Văn Thóc***

2. Ông: ***Phạm Anh Tuấn***

- Thư ký phiên tòa: Ông***: Đồng Văn Dũng*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa: Ông: ***Đặng Hồng Hạnh*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc " Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Chị: Lò Thị Th - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản Chi Luông I, Phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh: Lò Văn T - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Bản Lao Chen, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vào ngày 04/03/2015. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T không chăm lo cho gia đình, đi vào con đường nghiện hút ma túy. Chị Th nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung

không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn T có 01 (một) con chung là cháu Lò Thị Bảo Ng, sinh ngày 09/10/2015. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến khi cháu Lò Thị Bảo Ng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và nợ chung: Chị Lò Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lò Văn T: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Lò Văn T: như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đã từ chối, né tránh không ký vào các biên bản của Tòa án, không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử tống đạt cho anh Lò Văn T nhưng anh Lò Văn T vẫn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành xác minh và lập biên bản về việc anh Lò Văn T cố tình từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do và anh Lò Văn T cũng không có văn bản trả lời về việc chị Lò Thị Th có đơn xin ly hôn và việc nuôi con khi ly hôn. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Th đã trình bày.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, không thực hiện đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa cho thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị Lò Thị Th được ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Lò Thị Bảo Ng, sinh ngày 09/10/2015. Khi ly hôn chị Lò Thị Th đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Lò Thị Th có việc làm, có thu nhập, từ khi sinh cháu Ng ra đến nay, chị Lò Thị Th là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Th đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lò Thị Bảo Ng cho chị tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lò Thị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1 Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Chị Lò Thị Th khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T, xét yêu cầu khởi kiện của chị Th là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc Anh Lò Văn T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Toà án để giải quyết việc ly hôn và con chung nhưng anh T cố tình không đến, tuy nhiên Toà án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay anh T vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Lò Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị Lò Thị Th, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/03/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Chi Luông I, Phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên và anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Lao Chen, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên khi tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thì anh T từ chối, né tránh mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, anh

T và chị Th có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy nên chị Th và anh T đã ly thân mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn T có 01(một) con chung là cháu Lò Thị Bảo Ng, sinh ngày 09/10/2015. Xét nguyện vọng của cháu Ng được ở với mẹ và yêu cầu của chị Th là xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th có việc làm, có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung Lò Thị Bảo Ng cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lò Thị Th phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thị Bảo Ng, sinh ngày 09/10/2015 cho chị Lò Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lò Thị Thùy không yêu cầu.

Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị Th đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000322 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, chị Th đã nộp đủ án phí HNGĐ - ST.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
-Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
-UBND xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn;
-Các Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Đức Hiệp